

Phụ lục 10

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN BỔ SUNG ĐỢT 1 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2017  
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (52340101)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1409/QĐ-HĐTSDHCD2017 ngày 17/8/2017 của Chủ tịch HĐTSDHCD2017 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

| STT | SBD      | Họ Tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | CMND      | ĐTU | KV  | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|------------------------|------------|-----------|-----------|-----|-----|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 1   | 37014057 | NGUYỄN THỊ ANH TUYẾT   | 18/11/1999 | Nữ        | 215476185 |     | 2NT | A01            | 24.30         | 25.30               | NV1                     |
| 2   | 43000557 | PHẠM ĐỨC HUY           | 22/08/1999 | Nam       | 285696923 |     | 1   | D01            | 22.95         | 24.45               | NV1                     |
| 3   | 40006200 | PHẠM THU PHƯƠNG        | 16/08/1999 | Nữ        | 241753337 |     | 1   | D01            | 22.40         | 23.90               | NV1                     |
| 4   | 53007287 | VÕ THANH PHÚ           | 07/07/1999 | Nữ        | 321587688 |     | 2   | A00            | 23.15         | 23.65               | NV1                     |
| 5   | 52010056 | HUỖNH THỊ NGỌC TUYẾT   | 20/11/1999 | Nữ        | 273659014 |     | 1   | A00            | 22.00         | 23.50               | NV1                     |
| 6   | 02050044 | HỒ THỊ THANH PHỤNG     | 29/06/1999 | Nữ        | 025928392 |     | 2   | A01            | 22.50         | 23.00               | NV1                     |
| 7   | 38009504 | HỒ VĂN THIÊN           | 08/03/1998 | Nam       | 231135698 |     | 1   | A00            | 20.85         | 22.35               | NV1                     |
| 8   | 35005425 | NGUYỄN THỤY THỦY TRINH | 05/07/1999 | Nữ        | 212578014 |     | 2   | A00            | 21.45         | 21.95               | NV1                     |
| 9   | 41003587 | NGUYỄN THỊ MỸ LY       | 06/04/1999 | Nữ        | 225715451 |     | 2NT | A00            | 20.95         | 21.95               | NV1                     |
| 10  | 35003928 | NGÔ MINH DƯƠNG         | 10/05/1999 | Nam       | 212581477 |     | 2   | A00            | 21.45         | 21.95               | NV1                     |
| 11  | 35003003 | NGUYỄN THỊ THƯƠNG      | 12/07/1999 | Nữ        | 212489030 |     | 2   | D01            | 21.40         | 21.90               | NV1                     |
| 12  | 02062931 | LÊ ĐỨC THỊNH           | 17/08/1997 | Nam       | 215500365 |     | 3   | D01            | 21.75         | 21.75               | NV1                     |
| 13  | 02026256 | HOÀNG VĂN MINH         | 15/01/1999 | Nam       | 025866852 |     | 3   | A00            | 21.50         | 21.50               | NV1                     |
| 14  | 37008395 | PHẠM THỊ LÝ THU HIỀN   | 18/08/1999 | Nữ        | 215444721 |     | 1   | D01            | 19.95         | 21.45               | NV1                     |
| 15  | 02027919 | PHAN NHẬT QUANG        | 05/01/1998 | Nam       | 025777374 |     | 3   | D01            | 21.35         | 21.35               | NV1                     |
| 16  | 02061696 | NGUYỄN THỊ THẢO        | 01/02/1998 | Nữ        | 381869553 |     | 2NT | A00            | 20.25         | 21.25               | NV1                     |
| 17  | 02036991 | HUỖNH HỮU THẮNG        | 16/09/1999 | Nam       | 025882699 |     | 3   | D01            | 21.20         | 21.20               | NV1                     |
| 18  | 43000214 | LÊ THỊ THÀNH           | 02/02/1999 | Nữ        | 285710345 |     | 1   | A00            | 19.65         | 21.15               | NV1                     |
| 19  | 02036157 | NGUYỄN HOÀNG THIÊN     | 25/02/1999 | Nam       | 025863242 |     | 3   | A00            | 21.10         | 21.10               | NV1                     |
| 20  | 45000373 | NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN  | 04/03/1999 | Nữ        | 264503979 |     | 2   | A01            | 20.60         | 21.10               | NV1                     |



| STT | SBD      | Họ Tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | CMND         | ĐTU | KVUT | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|------------------------|------------|-----------|--------------|-----|------|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 21  | 02013156 | ĐỖ DUY TÂN             | 13/05/1999 | Nam       | 025882649    |     | 3    | A00            | 21.05         | 21.05               | NV1                     |
| 22  | 30004815 | NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN | 14/09/1999 | Nữ        | 184323722    |     | 2    | A00            | 20.50         | 21.00               | NV1                     |
| 23  | 37010791 | ĐOÀN BẢO SƯƠNG         | 28/08/1999 | Nữ        | 215558493    |     | 2NT  | A00            | 19.90         | 20.90               | NV1                     |
| 24  | 50001001 | ĐẶNG KIM HUYỀN         | 04/04/1999 | Nữ        | 341955800    |     | 2NT  | A01            | 19.85         | 20.85               | NV1                     |
| 25  | 50000948 | NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN    | 21/07/1999 | Nữ        | 342006289    |     | 2NT  | A00            | 19.85         | 20.85               | NV1                     |
| 26  | 46001626 | CAO THỊ VINH           | 09/08/1998 | Nữ        | 072198001698 | 06  | 2NT  | D01            | 18.70         | 20.70               | NV1                     |
| 27  | 37007776 | NGUYỄN THUỶ THU UYÊN   | 20/11/1999 | Nữ        | 215471443    |     | 2NT  | A00            | 19.70         | 20.70               | NV1                     |
| 28  | 02034035 | PHẠM ANH ĐÀO           | 16/06/1999 | Nữ        | 285572347    |     | 3    | A00            | 20.60         | 20.60               | NV1                     |
| 29  | 47002697 | VŨ THỊ THANH HÒA       | 10/12/1999 | Nữ        | 261610827    |     | 2NT  | D01            | 19.60         | 20.60               | NV1                     |
| 30  | 35003855 | TRẦN HOÀNG CHÍ CƯỜNG   | 01/11/1999 | Nam       | 212577482    |     | 2    | A00            | 20.05         | 20.55               | NV1                     |
| 31  | 02035565 | VI TRIỀU DĂNG          | 27/05/1999 | Nữ        | 079199001083 |     | 3    | D01            | 20.45         | 20.45               | NV1                     |
| 32  | 46007010 | LÊ THỊ HUỖNH NHƯ       | 05/01/1999 | Nữ        | 291204599    |     | 2NT  | D01            | 19.40         | 20.40               | NV1                     |
| 33  | 42010880 | PHẠM TRUNG ĐỨC         | 24/10/1999 | Nam       | 251209155    |     | 1    | A00            | 18.70         | 20.20               | NV1                     |
| 34  | 56008707 | CHÂU BÍCH TUYẾN        | 13/08/1999 | Nữ        | 321780161    |     | 2NT  | D01            | 19.10         | 20.10               | NV1                     |
| 35  | 02034150 | NGUYỄN MINH HÙNG       | 17/12/1999 | Nam       | 026037823    |     | 3    | A00            | 20.05         | 20.05               | NV1                     |
| 36  | 02033239 | TRẦN NGỌC ANH THƯ      | 28/10/1999 | Nữ        | 025867423    |     | 3    | A01            | 20.05         | 20.05               | NV1                     |
| 37  | 02025452 | VÒNG TUYẾT PHƯƠNG      | 31/07/1999 | Nữ        | 079199001776 | 06  | 3    | D01            | 19.05         | 20.05               | NV1                     |
| 38  | 33009841 | LÊ VĂN DŨNG            | 06/06/1999 | Nam       | 192058419    |     | 1    | D01            | 18.50         | 20.00               | NV1                     |
| 39  | 54005896 | NGUYỄN NGỌC THANH THẢO | 19/08/1998 | Nữ        | 371846606    |     | 2    | D01            | 19.50         | 20.00               | NV1                     |
| 40  | 60002341 | NGÔ THỊ BÍCH NGÂN      | 21/10/1999 | Nữ        | 385767278    | 06  | 1    | D01            | 17.45         | 19.95               | NV1                     |
| 41  | 42010989 | ĐẬU THỊ MỸ LINH        | 01/04/1998 | Nữ        | 251167475    |     | 1    | D01            | 18.40         | 19.90               | NV1                     |
| 42  | 32008144 | ĐÀO DUY SANG           | 20/02/1998 | Nam       | 197379162    |     | 1    | A00            | 18.35         | 19.85               | NV1                     |
| 43  | 02028214 | PHẠM KHÁNH VY          | 20/12/1999 | Nữ        | 381928291    |     | 3    | D01            | 19.60         | 19.60               | NV1                     |
| 44  | 02046296 | PHẠM THỊ KIM TRANG     | 24/07/1999 | Nữ        | 025978881    |     | 2    | A00            | 19.10         | 19.60               | NV1                     |
| 45  | 02013796 | TRẦN NGỌC KIM NGÂN     | 27/08/1999 | Nữ        | 025894048    |     | 3    | D01            | 19.55         | 19.55               | NV1                     |
| 46  | 02051100 | TRẦN THỊ NGÀ           | 05/05/1999 | Nữ        | 026199000764 |     | 2    | D01            | 19.05         | 19.55               | NV1                     |
| 47  | 37008772 | NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN   | 10/12/1999 | Nữ        | 215488510    |     | 2NT  | D01            | 18.45         | 19.45               | NV1                     |
| 48  | 35005383 | TẠ THỊ KIM TRANG       | 12/10/1999 | Nữ        | 212585405    |     | 2    | A00            | 18.95         | 19.45               | NV1                     |

| STT | SBD      | Họ Tên               | Ngày sinh  | Giới tính | CMND         | ĐTU | KV | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|----------------------|------------|-----------|--------------|-----|----|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 49  | 02025714 | TRIỆU YÊN TRÂM       | 22/05/1999 | Nữ        | 025927469    |     | 3  | D01            | 19.30         | 19.30               | NV1                     |
| 50  | 02056341 | ĐẶNG THỊ THANH HOA   | 17/02/1999 | Nữ        | 025867781    |     | 3  | D01            | 19.30         | 19.30               | NV1                     |
| 51  | 02057115 | NGUYỄN VĂN THẠO      | 20/03/1999 | Nam       | 034099002977 |     | 3  | D01            | 19.05         | 19.05               | NV1                     |
| 52  | 37016435 | TRẦN THỊ ĐẸP         | 24/08/1998 | Nữ        | 215421406    |     | 1  | D01            | 17.40         | 18.90               | NV1                     |
| 53  | 02034801 | BÙI NGUYỄN BÍCH TRÂM | 16/09/1999 | Nữ        | 025874652    |     | 3  | A00            | 18.90         | 18.90               | NV1                     |
| 54  | 46004414 | TRỊNH THỊ THU THẢO   | 16/05/1999 | Nữ        | 072199002556 |     | 1  | D01            | 17.40         | 18.90               | NV1                     |
| 55  | 02052305 | HUỶNH VĂN PHÚC       | 12/06/1998 | Nam       | 079098002068 |     | 2  | D01            | 18.05         | 18.55               | NV1                     |
| 56  | 02058004 | NGÔ QUANG AN         | 19/08/1999 | Nam       | 261572663    |     | 3  | D01            | 18.50         | 18.50               | NV1                     |

Danh sách này có 56 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH





TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI  
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2017

Phụ lục 11

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN BỔ SUNG ĐỢT 1 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2017  
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH BẢO HIỂM (52340202)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1409/QĐ-HĐTSĐHCĐ2017 ngày 17/8/2017 của Chủ tịch HĐTSĐHCĐ2017 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

| STT | SBD      | Họ Tên                  | Ngày sinh  | Giới tính | CMND         | ĐTU | KVUT | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|-------------------------|------------|-----------|--------------|-----|------|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 1   | 50008947 | NGUYỄN THỊ BÉ NGOAN     | 11/05/1999 | Nữ        | 341944038    |     | 2NT  | A00            | 20.55         | 21.55               | NV1                     |
| 2   | 40007773 | NGUYỄN PHI NHẠN         | 07/03/1999 | Nữ        | 241629561    |     | 1    | A01            | 17.75         | 19.25               | NV1                     |
| 3   | 02048192 | NGUYỄN PHAN THỊ HOÀI LÊ | 07/10/1999 | Nữ        | 025893779    |     | 2    | D01            | 18.50         | 19.00               | NV1                     |
| 4   | 02049916 | VÕ THANH MINH           | 09/11/1999 | Nam       | 025825964    |     | 2    | D01            | 18.45         | 18.95               | NV1                     |
| 5   | 46005882 | PHAN BỬU NGỌC           | 06/07/1999 | Nữ        | 291208653    |     | 2NT  | A00            | 17.35         | 18.35               | NV1                     |
| 6   | 02051283 | BÙI THỊ THANH TÂM       | 01/04/1999 | Nữ        | 025820068    |     | 2    | D01            | 17.60         | 18.10               | NV1                     |
| 7   | 02026266 | ĐỖ THỊ NGỌC MỸ          | 12/01/1999 | Nữ        | 025904157    |     | 3    | D01            | 17.35         | 17.35               | NV1                     |
| 8   | 02051437 | NGUYỄN MINH THU         | 01/01/1999 | Nữ        | 079199000617 |     | 2    | D01            | 16.45         | 16.95               | NV1                     |
| 9   | 02026761 | PHẠM THỊ THÚY DIỄM      | 26/04/1999 | Nữ        | 025771137    |     | 3    | D01            | 16.80         | 16.80               | NV1                     |
| 10  | 02028051 | CHÂU NGỌC BẢO THY       | 26/06/1999 | Nữ        | 025904189    |     | 3    | D01            | 16.55         | 16.55               | NV1                     |
| 11  | 02052953 | NGUYỄN THỊ HUỲNH TRẦN   | 30/12/1999 | Nữ        | 026082245    |     | 2    | D01            | 15.50         | 16.00               | NV1                     |

Danh sách này có 11 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Hà Xuân Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI  
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2017

Phụ lục 12

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN BỔ SUNG ĐỢT 1 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2017  
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH KẾ TOÁN (52340301)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1409/QĐ-HĐTSDHCD2017 ngày 17/8/2017 của Chủ tịch HĐTSDHCD2017 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

| STT | SBD      | Họ Tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | CMND         | ĐTU | KVUT | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|------------------------|------------|-----------|--------------|-----|------|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 1   | 02026934 | ĐINH NGỌC HUYỀN        | 23/01/1998 | Nữ        | 152224066    |     | 3    | A00            | 23.35         | 23.35               | NV1                     |
| 2   | 63003452 | NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG | 12/06/1999 | Nữ        | 245309866    |     | 1    | A00            | 21.40         | 22.90               | NV1                     |
| 3   | 40016713 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | 05/10/1999 | Nữ        | 241826570    |     | 1    | A00            | 20.90         | 22.40               | NV1                     |
| 4   | 62000557 | NGUYỄN THỰC LIÊN       | 17/03/1999 | Nữ        | 040830549    | 01  | 1    | D01            | 18.50         | 22.00               | NV1                     |
| 5   | 35002395 | TRƯƠNG THỊ DIỄM        | 11/05/1999 | Nữ        | 212487568    |     | 2    | D01            | 21.20         | 21.70               | NV1                     |
| 6   | 35007016 | TÔ NỮ HUỖNH THOA       | 24/06/1999 | Nữ        | 212431044    |     | 2NT  | A00            | 20.65         | 21.65               | NV1A                    |
| 7   | 02026092 | NGUYỄN THỊ THANH HẰNG  | 07/04/1999 | Nữ        | 025885302    |     | 3    | D01            | 21.60         | 21.60               | NV1                     |
| 8   | 59004063 | VÕ THỊ MINH TRÂM       | 28/12/1999 | Nữ        | 212452614    |     | 1    | D01            | 19.90         | 21.40               | NV1                     |
| 9   | 31001049 | NGUYỄN THỊ THỦY TIỀN   | 20/07/1999 | Nữ        | 044199001170 |     | 2NT  | D01            | 20.40         | 21.40               | NV1                     |
| 10  | 35002702 | VÕ THỊ BÍCH LỆNH       | 10/04/1999 | Nữ        | 212487238    | 06  | 2    | A00            | 19.85         | 21.35               | NV1                     |
| 11  | 63001460 | ĐOÀN THỊ THỦY LỢI      | 28/04/1999 | Nữ        | 245343221    |     | 1    | D01            | 19.75         | 21.25               | NV1                     |
| 12  | 46002241 | NGUYỄN THỊ GÁI         | 28/07/1999 | Nữ        | 030199001538 |     | 1    | A00            | 19.70         | 21.20               | NV1                     |
| 13  | 35002451 | NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG  | 04/11/1999 | Nữ        | 212620111    |     | 2    | D01            | 20.65         | 21.15               | NV1                     |
| 14  | 41001577 | NGÔ NGỌC GIA TRƯỜNG    | 03/03/1999 | Nữ        | 225821651    |     | 2    | A00            | 20.45         | 20.95               | NV1                     |
| 15  | 48021055 | BÙI THỊ NGỌC ANH       | 01/10/1999 | Nữ        | 272813096    |     | 2    | A00            | 20.45         | 20.95               | NV1                     |
| 16  | 43001956 | TRẦN THỊ TÚ THI        | 06/03/1999 | Nữ        | 285674995    |     | 1    | A01            | 19.20         | 20.70               | NV1                     |
| 17  | 02050895 | LÊ THỊ CẨM NHUNG       | 25/05/1999 | Nữ        | 025904662    |     | 2    | A01            | 20.15         | 20.65               | NV1                     |
| 18  | 55006677 | ĐỖ THỊ NGỌC UYÊN       | 06/01/1999 | Nữ        | 362528112    |     | 2    | A00            | 20.10         | 20.60               | NV1                     |
| 19  | 43000700 | CAO THỊ YẾN NHI        | 08/08/1999 | Nữ        | 285741789    |     | 1    | A00            | 19.05         | 20.55               | NV1                     |



| STT | SBD      | Họ Tên                  | Ngày sinh  | Giới tính | CMND         | ĐTUT | KVUT | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|-------------------------|------------|-----------|--------------|------|------|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 20  | 02027832 | LÊ THỊ THANH NHÀN       | 23/04/1999 | Nữ        | 025845102    |      | 3    | A00            | 20.45         | 20.45               | NVI                     |
| 21  | 15009400 | TÔN THỊ HOÀI VIỆT       | 23/06/1999 | Nữ        | 132390996    |      | 1    | D01            | 18.90         | 20.40               | NVI                     |
| 22  | 63004788 | LÂM THỊ HÀ              | 03/08/1999 | Nữ        | 245400397    |      | 1    | A00            | 18.90         | 20.40               | NVI                     |
| 23  | 02051341 | HUỖNH NGỌC THẢO         | 17/06/1999 | Nữ        | 025821911    |      | 2    | D01            | 19.65         | 20.15               | NVI                     |
| 24  | 46004028 | VÕ THỊ HỒNG DIỆU        | 27/09/1999 | Nữ        | 291199107    |      | 1    | A01            | 18.60         | 20.10               | NVI                     |
| 25  | 42006490 | LÊ THỊ HẰNG             | 23/09/1999 | Nữ        | 251127392    |      | 1    | D01            | 18.60         | 20.10               | NVI                     |
| 26  | 29029926 | TRẦN THỊ HOÀI           | 10/05/1999 | Nữ        | 187808081    |      | 2NT  | D01            | 19.05         | 20.05               | NVI                     |
| 27  | 02037363 | BUI PHAN HAI LINH       | 26/11/1999 | Nữ        | 026051695    |      | 3    | D01            | 20.00         | 20.00               | NVI                     |
| 28  | 02028045 | TRẦN THỊ ANH THU        | 23/12/1999 | Nữ        | 025905531    |      | 3    | D01            | 19.95         | 19.95               | NVI                     |
| 29  | 45004814 | PHẠM THỊ THÚY TRÂM      | 13/03/1999 | Nữ        | 264517757    |      | 2    | D01            | 19.25         | 19.75               | NVI                     |
| 30  | 39002640 | NGUYỄN QUỲNH NHƯ THẢO   | 25/01/1999 | Nữ        | 221486081    |      | 1    | D01            | 18.20         | 19.70               | NVI                     |
| 31  | 43007500 | NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG    | 09/12/1999 | Nữ        | 285732522    |      | 1    | A00            | 18.15         | 19.65               | NVI                     |
| 32  | 02052183 | BUI THẢO MY             | 19/01/1999 | Nữ        | 026034660    |      | 2    | D01            | 19.10         | 19.60               | NVI                     |
| 33  | 02027085 | LƯU THỊ HỒNG NHUNG      | 10/04/1999 | Nữ        | 025885393    |      | 3    | D01            | 19.50         | 19.50               | NVI                     |
| 34  | 02033891 | TẠ THỊ YẾN              | 18/02/1999 | Nữ        | 037199000525 |      | 3    | D01            | 19.45         | 19.45               | NVI                     |
| 35  | 38008404 | TRẦN THỊ LINH           | 18/02/1999 | Nữ        | 231295820    |      | 1    | A00            | 17.90         | 19.40               | NVI                     |
| 36  | 47007813 | NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG THẨM | 04/06/1999 | Nữ        | 261475182    |      | 2NT  | A01            | 18.35         | 19.35               | NVI                     |
| 37  | 31002216 | PHẠM THỊ VÂN            | 17/06/1999 | Nữ        | 194638250    |      | 1    | A00            | 17.80         | 19.30               | NVI                     |
| 38  | 38006858 | NGUYỄN THỊ ỨT LINH      | 12/05/1999 | Nữ        | 231309947    |      | 1    | D01            | 17.70         | 19.20               | NVI                     |
| 39  | 02000428 | CHÂU LÊ MỘNG NGÂN       | 15/03/1999 | Nữ        | 025781534    |      | 3    | D01            | 19.15         | 19.15               | NVI                     |
| 40  | 48021035 | NGUYỄN THỊ VÂN          | 19/01/1999 | Nữ        | 272632004    |      | 1    | A00            | 17.65         | 19.15               | NVI                     |
| 41  | 02026595 | HỒ THỊ THANH TRÚC       | 24/06/1999 | Nữ        | 025904447    |      | 3    | D01            | 19.10         | 19.10               | NVI                     |
| 42  | 50005045 | ĐẶNG HOÀNG HẢO          | 20/04/1999 | Nữ        | 342002210    |      | 2    | D01            | 18.60         | 19.10               | NVI                     |
| 43  | 54004080 | NGUYỄN TRUNG NAM        | 12/03/1999 | Nam       | 152241485    |      | 2NT  | D01            | 18.08         | 19.08               | NVI                     |
| 44  | 60003165 | LƯU DIỄM YẾN            | 15/02/1999 | Nữ        | 385779280    |      | 2    | D01            | 18.50         | 19.00               | NVI                     |
| 45  | 35010072 | PHẠM THỊ THANH TRÀ      | 25/05/1999 | Nữ        | 212845944    |      | 2NT  | D01            | 17.95         | 18.95               | NVI                     |
| 46  | 30012376 | TRẦN THỊ THẢO UYÊN      | 23/09/1999 | Nữ        | 184286443    |      | 2NT  | D01            | 17.85         | 18.85               | NVI                     |
| 47  | 02051075 | NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG LINH | 23/04/1999 | Nữ        | 026035788    |      | 2    | D01            | 18.25         | 18.75               | NVI                     |
| 48  | 42006135 | PHẠM THỊ LIÊN           | 01/09/1999 | Nữ        | 251153362    |      | 1    | A00            | 17.20         | 18.70               | NVI                     |

| STT | SBD      | Họ Tên                | Ngày sinh  | Giới tính | CMND         | ĐTUT | KVUT | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|-----------------------|------------|-----------|--------------|------|------|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 49  | 02045738 | KHUẤT THỊ NGỌC ANH    | 23/12/1999 | Nữ        | 251195442    |      | 2    | D01            | 17.95         | 18.45               | NV1                     |
| 50  | 46005211 | PHAN THỊ TRÚC HUỖNH   | 24/01/1999 | Nữ        | 291205263    |      | 1    | A00            | 16.85         | 18.35               | NV1                     |
| 51  | 46007379 | VÕ MAI ANH            | 05/03/1998 | Nữ        | 291184096    |      | 2    | D01            | 17.85         | 18.35               | NV1                     |
| 52  | 02045831 | ĐINH THỊ THUỖ HÀ      | 18/05/1999 | Nữ        | 025942221    |      | 2    | D01            | 17.80         | 18.30               | NV1                     |
| 53  | 53000181 | NGUYỄN THỊ MỸ LINH    | 20/11/1999 | Nữ        | 312434430    |      | 2NT  | A00            | 17.30         | 18.30               | NV1                     |
| 54  | 02028169 | TRẦN THUY PHƯƠNG UYÊN | 26/12/1999 | Nữ        | 025938172    |      | 3    | D01            | 18.15         | 18.15               | NV1                     |
| 55  | 02052773 | HOÀNG THỊ HÀ PHƯƠNG   | 14/12/1999 | Nữ        | 036199002511 |      | 2    | D01            | 17.65         | 18.15               | NV1                     |
| 56  | 02026393 | NGUYỄN THỊ NGỌC PHỤNG | 30/11/1999 | Nữ        | 025904313    |      | 3    | D01            | 18.05         | 18.05               | NV1                     |
| 57  | 02027448 | LÂM NGỌC QUÊ CHÂU     | 09/01/1998 | Nữ        | 025737176    |      | 3    | A00            | 18.00         | 18.00               | NV1                     |
| 58  | 02026765 | PHẠM THỊ PHƯƠNG DUNG  | 17/07/1999 | Nữ        | 025866472    |      | 3    | D01            | 18.00         | 18.00               | NV1                     |
| 59  | 33012372 | TRẦN THỊ SƯƠNG        | 18/08/1999 | Nữ        | 192133050    |      | 1    | D01            | 16.50         | 18.00               | NV1                     |
| 60  | 47008386 | NGUYỄN THỊ THANH THỦY | 10/02/1999 | Nữ        | 261475418    |      | 2NT  | D01            | 17.00         | 18.00               | NV1                     |
| 61  | 02056577 | VÕ LÊ YẾN NGA         | 08/06/1998 | Nữ        | 025814885    | 04   | 3    | D01            | 15.90         | 17.90               | NV1                     |
| 62  | 50008978 | NGUYỄN THỊ KHÁ NHƯ    | 19/09/1999 | Nữ        | 341985555    |      | 2NT  | D01            | 17.35         | 18.35               | NV1                     |

Danh sách này có 62 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Hà Xuân Hùng





TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI  
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2017

Phụ lục 13

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN BỔ SUNG ĐỢT 1 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2017  
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC (52340404)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1409/QĐ-HĐTSDHCD2017 ngày 17/8/2017 của Chủ tịch HĐTSDHCD2017 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

| STT | SBD      | Họ Tên                | Ngày sinh  | Giới tính | CMND         | ĐTU | KV  | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|-----------------------|------------|-----------|--------------|-----|-----|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 1   | 02018998 | HOÀNG ĐAN             | 30/01/1999 | Nữ        | 025973523    |     | 3   | D01            | 24.85         | 24.85               | NV1                     |
| 2   | 40009436 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG      | 21/09/1999 | Nữ        | 241743611    |     | 1   | A00            | 22.40         | 23.90               | NV1                     |
| 3   | 02059495 | HUỖNH KIM THÚY        | 25/04/1999 | Nữ        | 025934442    |     | 3   | D01            | 23.65         | 23.65               | NV1                     |
| 4   | 30005937 | PHẠM THỊ LỆ THANH     | 16/03/1999 | Nữ        | 184336130    |     | 2NT | D01            | 22.60         | 23.60               | NV1                     |
| 5   | 53005704 | HUỖNH CÔNG THỨC       | 24/07/1999 | Nam       | 312386932    |     | 2NT | A00            | 22.15         | 23.15               | NV1                     |
| 6   | 63000058 | NGUYỄN THỊ TUYẾT DUNG | 10/10/1999 | Nữ        | 245317419    |     | 1   | A00            | 21.55         | 23.05               | NV1                     |
| 7   | 60000538 | BIỆN XUÂN HUY         | 27/04/1999 | Nam       | 385828708    |     | 2   | D01            | 22.55         | 23.05               | NV1                     |
| 8   | 02048922 | NGÔ THỊ HẢI           | 29/09/1999 | Nữ        | 025824998    |     | 2   | A01            | 22.10         | 22.60               | NV1                     |
| 9   | 40005352 | ĐẶNG THỊ PHÙC         | 6/27/1999  | Nữ        | 241724463    |     | 1   | D01            | 20.85         | 22.35               | NV1                     |
| 10  | 43002053 | HỒ THỊ THU TRÚC       | 10/05/1999 | Nữ        | 285771414    |     | 1   | D01            | 20.65         | 22.15               | NV1                     |
| 11  | 52005459 | PHẠM THỊ HỒNG THẨM    | 18/01/1999 | Nữ        | 072199000656 |     | 2NT | D01            | 21.10         | 22.10               | NV1                     |
| 12  | 41001369 | LÊ THỊ NGỌC NHIÊN     | 04/07/1999 | Nữ        | 225821256    |     | 2   | A01            | 21.50         | 22.00               | NV1                     |
| 13  | 02027678 | VÕ QUỐC KHÁNH         | 01/09/1999 | Nam       | 025884057    |     | 3   | A00            | 21.90         | 21.90               | NV1                     |
| 14  | 02026553 | ĐOÀN THỊ THU TRÀ      | 22/01/1999 | Nữ        | 174679307    |     | 3   | D01            | 21.80         | 21.80               | NV1                     |
| 15  | 35009524 | NGUYỄN THỊ NƯƠNG      | 10/02/1999 | Nữ        | 212847543    |     | 1   | A00            | 20.20         | 21.70               | NV1                     |
| 16  | 37014559 | PHẠM THỊ THÙY KIỀU    | 10/03/1999 | Nữ        | 215464445    |     | 1   | A00            | 20.05         | 21.55               | NV1                     |
| 17  | 48023523 | TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO  | 20/09/1999 | Nữ        | 272663757    |     | 1   | A00            | 19.60         | 21.10               | NV1                     |



| STT | SBD      | Họ Tên                  | Ngày sinh  | Giới tính | CMND         | ĐTUT | KVUT | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|-------------------------|------------|-----------|--------------|------|------|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 18  | 56002591 | PHẠM THỊ THÚY HOA       | 11/01/1999 | Nữ        | 321742009    |      | 2NT  | A00            | 20.00         | 21.00               | NV1                     |
| 19  | 46004272 | BÙI THỊ THẢO NGUYỄN     | 21/12/1999 | Nữ        | 291207702    |      | 2NT  | A00            | 19.80         | 20.80               | NV1                     |
| 20  | 02070330 | NGUYỄN THỊ KIM CHÂU     | 23/04/1998 | Nữ        | 025946030    |      | 2    | A00            | 20.25         | 20.75               | NV1                     |
| 21  | 48019555 | NGUYỄN THỊ MỸ HOA       | 16/08/1999 | Nữ        | 272852480    |      | 1    | D01            | 19.20         | 20.70               | NV1                     |
| 22  | 02046272 | NGUYỄN MỸ TIÊN          | 19/09/1999 | Nữ        | 079199001866 |      | 2    | A01            | 20.15         | 20.65               | NV1                     |
| 23  | 52009358 | LÊ HỮU BÌNH             | 04/04/1999 | Nữ        | 077199001363 |      | 1    | A00            | 19.10         | 20.60               | NV1                     |
| 24  | 28021878 | MAI THỊ MINH THÚY       | 24/12/1999 | Nữ        | 038199006166 |      | 2NT  | D01            | 19.40         | 20.40               | NV1                     |
| 25  | 32005823 | BÙI THỊ HÀ ANH          | 10/06/1999 | Nữ        | 197404860    |      | 2    | D01            | 19.80         | 20.30               | NV1                     |
| 26  | 02034540 | HUỶNH KIM NGÂN          | 06/10/1999 | Nữ        | 025885385    |      | 3    | D01            | 20.15         | 20.15               | NV1                     |
| 27  | 02012666 | TRẦN THÁI PHƯƠNG AN     | 24/12/1999 | Nữ        | 079199001500 |      | 3    | D01            | 20.15         | 20.15               | NV1                     |
| 28  | 02049501 | LƯƠNG THỊ MAI TRÂM      | 27/04/1999 | Nữ        | 025892411    |      | 2    | D01            | 19.65         | 20.15               | NV1                     |
| 29  | 02046006 | KHUẤT THỊ NGỌC MINH     | 23/12/1999 | Nữ        | 251195446    |      | 2    | A00            | 19.60         | 20.10               | NV1                     |
| 30  | 35001654 | PHAN THỊ HỒNG NGỰ       | 14/07/1999 | Nữ        | 212839949    |      | 2NT  | D01            | 19.05         | 20.05               | NV1                     |
| 31  | 44006191 | TRƯƠNG YẾN NHƯ          | 20/05/1999 | Nữ        | 281196565    |      | 2NT  | D01            | 18.95         | 19.95               | NV1                     |
| 32  | 28022745 | NGUYỄN THỊ HẬU          | 07/08/1999 | Nữ        | 038199004809 |      | 2NT  | D01            | 18.90         | 19.90               | NV1                     |
| 33  | 02027324 | ĐINH TRƯƠNG HOÀNG TỬ    | 30/07/1999 | Nam       | 025981572    |      | 3    | D01            | 19.60         | 19.60               | NV1                     |
| 34  | 42012653 | ĐỖ THỊ TUYẾT NHỊ        | 23/08/1999 | Nữ        | 251111707    |      | 1    | D01            | 18.05         | 19.55               | NV1                     |
| 35  | 43004363 | VŨ TUYẾT TRINH          | 23/08/1999 | Nữ        | 285653024    |      | 1    | A00            | 17.75         | 19.25               | NV1                     |
| 36  | 37016402 | NGUYỄN THỊ HOÀNG DIỆU   | 20/12/1998 | Nữ        | 215465284    |      | 1    | D01            | 17.65         | 19.15               | NV1                     |
| 37  | 02048272 | LÊ HOÀNG KIM NGÂN       | 20/09/1999 | Nữ        | 025915215    |      | 2    | D01            | 18.60         | 19.10               | NV1                     |
| 38  | 29011758 | NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG | 04/04/1999 | Nữ        | 187704971    |      | 1    | D01            | 17.50         | 19.00               | NV1                     |
| 39  | 02007515 | NGUYỄN THỊ HỮU PHÚC     | 02/07/1999 | Nữ        | 025860702    |      | 3    | D01            | 18.95         | 18.95               | NV1                     |
| 40  | 02032587 | NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN      | 24/01/1999 | Nữ        | 079199004072 |      | 3    | A00            | 18.95         | 18.95               | NV1                     |
| 41  | 02049103 | TRƯƠNG NGỌC HỒNG LINH   | 24/11/1999 | Nữ        | 079199003380 |      | 2    | A01            | 18.40         | 18.90               | NV1                     |

| STT | SBD      | Họ Tên              | Ngày sinh  | Giới tính | CMND      | ĐTUT | KVUT | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|---------------------|------------|-----------|-----------|------|------|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 42  | 02061633 | PHAN NGỌC QUỲNH     | 26/09/1998 | Nữ        | 231090797 |      | 1    | D01            | 17.35         | 18.85               | NV1                     |
| 43  | 30011054 | LÊ THỊ HUYỀN TRANG  | 21/07/1999 | Nữ        | 184357517 |      | 2NT  | D01            | 17.80         | 18.80               | NV1                     |
| 44  | 02062591 | TRƯƠNG THỊ KIỀU ANH | 03/07/1998 | Nữ        | 352548790 |      | 2    | D01            | 18.25         | 18.75               | NV1                     |

Danh sách này có 44 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Hà Xuân Hùng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI  
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2017

Phụ lục 14

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN BỔ SUNG ĐỢT 1 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2017  
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH LUẬT KINH TẾ (52380107)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4092D-HDTSĐHCĐ2017 ngày 17/8/2017 của Chủ tịch HĐTSĐHCĐ2017 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

| STT | SBD      | Họ Tên               | Ngày sinh  | Giới tính | CMND      | ĐTU'T | KVƯT | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|----------------------|------------|-----------|-----------|-------|------|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 1   | 48015796 | LÃO THỊ NGÀ          | 22/04/1999 | Nữ        | 168617077 |       | 1    | D01            | 22.45         | 23.95               | NV1                     |
| 2   | 47010951 | ĐẶNG THỊ KHÁNH VY    | 19/01/1999 | Nữ        | 261509363 |       | 1    | A00            | 22.00         | 23.50               | NV1                     |
| 3   | 35000283 | LÊ HUỖNH MINH HUYỀN  | 04/08/1999 | Nữ        | 212837677 |       | 1    | D01            | 21.70         | 23.20               | NV1                     |
| 4   | 42010473 | NGUYỄN BÍCH NGÂN     | 20/02/1999 | Nữ        | 251149455 |       | 1    | A00            | 21.60         | 23.10               | NV1                     |
| 5   | 47010996 | MAI THỊ MỸ HOÀN VY   | 14/04/1999 | Nữ        | 261582644 |       | 2    | D01            | 22.25         | 22.75               | NV1                     |
| 6   | 38004272 | PHẠM MAI TRINH       | 03/06/1999 | Nữ        | 231161067 |       | 1    | D01            | 21.15         | 22.65               | NV1                     |
| 7   | 47001345 | PHAN THÀNH DƯƠNG     | 16/11/1999 | Nam       | 261531823 |       | 1    | A00            | 20.40         | 21.90               | NV1                     |
| 8   | 02050857 | VÕ THỊ MINH NGUYỆT   | 14/10/1999 | Nữ        | 025946387 |       | 2    | D01            | 21.10         | 21.60               | NV1                     |
| 9   | 40009515 | NGUYỄN THỊ NGỌC      | 02/01/1999 | Nữ        | 241632578 |       | 1    | A00            | 20.05         | 21.55               | NV1                     |
| 10  | 02034713 | NGUYỄN ĐỨC THIÊN     | 15/04/1999 | Nam       | 201766915 |       | 3    | A01            | 21.45         | 21.45               | NV1                     |
| 11  | 53004688 | HUỖNH THỊ MỸ QUYÊN   | 19/11/1999 | Nữ        | 312408819 |       | 2NT  | A01            | 20.25         | 21.25               | NV1                     |
| 12  | 61002365 | CHÂU ANH DƯƠNG       | 13/01/1999 | Nam       | 381933373 |       | 1    | D01            | 19.70         | 21.20               | NV1                     |
| 13  | 02026488 | NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM | 07/01/1999 | Nữ        | 025885327 |       | 3    | A01            | 20.75         | 20.75               | NV1                     |
| 14  | 02061235 | TRẦN THỊ NGỌC DUY    | 02/08/1998 | Nữ        | 221462921 |       | 1    | D01            | 18.45         | 19.95               | NV1                     |
| 15  | 37007197 | TRẦN THỊ NGỌC        | 05/09/1999 | Nữ        | 215478791 |       | 2NT  | A01            | 18.85         | 19.85               | NV1                     |
| 16  | 53008233 | NGUYỄN ĐÀO HIỆU AN   | 01/01/1998 | Nam       | 312338496 |       | 2    | D01            | 19.30         | 19.80               | NV1                     |
| 17  | 49009640 | NGUYỄN THANH HẰNG    | 16/04/1999 | Nữ        | 301691179 |       | 2NT  | D01            | 18.75         | 19.75               | NV1                     |
| 18  | 54002086 | TRẦN LÊ PHƯƠNG THẢO  | 27/08/1999 | Nữ        | 371889435 |       | 2    | A01            | 19.15         | 19.65               | NV1                     |



| STT | SBD      | Họ Tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | CMND         | ĐTU'T | KVUT | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyện vọng trúng tuyển |
|-----|----------|------------------------|------------|-----------|--------------|-------|------|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 19  | 42009638 | BẠCH THỊ THỦY DƯƠNG    | 04/04/1999 | Nữ        | 251168154    |       | 1    | D01            | 17.95         | 19.45               | NV1                     |
| 20  | 35005227 | HỒ TẤN THỊNH           | 07/04/1999 | Nam       | 212584467    |       | 2NT  | A00            | 18.30         | 19.30               | NV1                     |
| 21  | 49000517 | CAO THỊ KIỀU NHÌ       | 25/03/1999 | Nữ        | 301686878    |       | 1    | D01            | 17.80         | 19.30               | NV1                     |
| 22  | 54006795 | THÁI TIỂU ĐAN          | 23/03/1999 | Nữ        | 371949859    |       | 2    | D01            | 18.65         | 19.15               | NV1                     |
| 23  | 42010420 | NGÔ THỊ PHƯƠNG LINH    | 22/12/1999 | Nữ        | 251146583    |       | 1    | A00            | 17.50         | 19.00               | NV1                     |
| 24  | 02051629 | TRẦN CÔNG TỬ           | 14/04/1999 | Nam       | 025821871    |       | 2    | A00            | 18.40         | 18.90               | NV1                     |
| 25  | 37005288 | TRỊNH VĂN ANH          | 01/11/1999 | Nữ        | 215484000    |       | 2    | D01            | 18.25         | 18.75               | NV1                     |
| 26  | 02026594 | NGUYỄN THỊ HOÀNG TRINH | 11/01/1999 | Nữ        | 025737453    |       | 3    | D01            | 18.70         | 18.70               | NV1                     |
| 27  | 40016226 | HỒ THỊ BÍCH NGỌC       | 15/08/1999 | Nữ        | 241790362    |       | 1    | D01            | 17.20         | 18.70               | NV1                     |
| 28  | 52006612 | NGUYỄN THỊ THU THẨM    | 20/04/1999 | Nữ        | 077199000527 |       | 1    | D01            | 17.15         | 18.65               | NV1                     |
| 29  | 28024976 | TRẦN THỊ NGỌC LAN      | 28/08/1998 | Nữ        | 175068753    |       | 2NT  | A00            | 17.55         | 18.55               | NV1                     |
| 30  | 02048733 | HỒ THỊ THANH VÂN       | 25/11/1999 | Nữ        | 025914649    |       | 2    | A00            | 17.90         | 18.40               | NV1                     |
| 31  | 59000243 | LÂM THỊ NGỌC HIỆU      | 15/03/1999 | Nữ        | 366185662    | 01    | 1    | D01            | 14.90         | 18.40               | NV1                     |
| 32  | 49010458 | HỒ THỊ PHƯƠNG THẢO     | 30/11/1999 | Nữ        | 301689634    |       | 2NT  | D01            | 17.38         | 18.38               | NV1                     |
| 33  | 35005558 | ĐÌNH THỊ NHƯ Ý         | 15/08/1999 | Nữ        | 212582982    |       | 2    | D01            | 17.85         | 18.35               | NV1                     |
| 34  | 28024985 | TRẦN THỊ LIÊU          | 08/10/1999 | Nữ        | 175068530    |       | 2NT  | A00            | 17.25         | 18.25               | NV1                     |
| 35  | 02057014 | TRẦN THỊ NHƯ NGỌC      | 20/06/1999 | Nữ        | 048199000015 |       | 3    | D01            | 18.25         | 18.25               | NV1                     |
| 36  | 02058955 | VÕ THỊ PHƯƠNG TRÚC     | 20/04/1999 | Nữ        | 025961439    |       | 3    | D01            | 18.20         | 18.20               | NV1                     |
| 37  | 02058628 | LÊ ANH KIẾT            | 23/09/1998 | Nam       | 079098000292 |       | 3    | D01            | 18.10         | 18.10               | NV1                     |
| 38  | 02045705 | TRẦN NHẬT A            | 23/03/1999 | Nam       | 079099003559 |       | 2    | D01            | 17.55         | 18.05               | NV1                     |
| 39  | 37003888 | BÙI LÊ HÒA             | 10/07/1999 | Nam       | 215459521    |       | 2NT  | D01            | 17.05         | 18.05               | NV1                     |
| 40  | 02052784 | NGUYỄN VŨ BÍCH PHƯƠNG  | 02/08/1999 | Nữ        | 026082912    |       | 2    | D01            | 17.45         | 17.95               | NV1                     |
| 41  | 40015243 | VĂN HUỲNH SONG BIÊN    | 22/07/1999 | Nữ        | 241837137    |       | 1    | A00            | 16.35         | 17.85               | NV1                     |
| 42  | 41009451 | BÙI THỊ CẨM TỰ         | 15/09/1999 | Nữ        | 212617433    |       | 1    | A00            | 16.35         | 17.85               | NV1                     |
| 43  | 43000930 | PHẠM HỒNG VI           | 22/08/1999 | Nữ        | 285697787    |       | 1    | A00            | 16.35         | 17.85               | NV1                     |
| 44  | 37013922 | HUỲNH THỊ PHƯƠNG THẢO  | 02/01/1999 | Nữ        | 215476118    |       | 2NT  | D01            | 16.80         | 17.80               | NV1                     |



| STT | SBD      | Họ Tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | CMND         | ĐTU'T | KVU'T | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|------------------------|------------|-----------|--------------|-------|-------|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 45  | 41009656 | NGUYỄN HỒNG HẢI        | 24/04/1999 | Nữ        | 225688391    |       | 2     | D01            | 17.25         | 17.75               | NV1                     |
| 46  | 02033996 | HUỖNH ĐẠY DỮNG         | 14/11/1999 | Nam       | 025862688    | 06    | 3     | A01            | 16.70         | 17.70               | NV1                     |
| 47  | 52010563 | LÊ THỊ HỒNG THẢO       | 05/03/1999 | Nữ        | 273708094    |       | 2     | A00            | 17.20         | 17.70               | NV1                     |
| 48  | 02051512 | NGUYỄN NGỌC THỦY TRẮNG | 17/06/1998 | Nữ        | 079198000442 |       | 2     | D01            | 17.15         | 17.65               | NV1                     |
| 49  | 42001175 | PHAN THỊ THU THỦY      | 02/04/1999 | Nữ        | 251186572    |       | 1     | A00            | 16.15         | 17.65               | NV1                     |
| 50  | 02051794 | TRẦN MINH ANH          | 04/12/1999 | Nữ        | 026104227    |       | 2     | D01            | 17.05         | 17.55               | NV1                     |
| 51  | 02051949 | NGUYỄN HUỖNH HẢI       | 04/05/1999 | Nam       | 272758556    |       | 2     | D01            | 17.00         | 17.50               | NV1                     |
| 52  | 41003289 | NGUYỄN THỊ HỒNG ANH    | 20/02/1999 | Nữ        | 225711789    |       | 2NT   | A00            | 16.45         | 17.45               | NV1                     |
| 53  | 47006871 | LÊ THỊ ỨT QUỖNH        | 10/10/1999 | Nữ        | 261489941    |       | 2NT   | A00            | 16.40         | 17.40               | NV1                     |
| 54  | 02066217 | PHAN THANH TÙNG        | 01/08/1994 | Nam       | 025097006    |       | 3     | A00            | 17.35         | 17.35               | NV1                     |
| 55  | 02027578 | TRẦN THỊ THU HIỂN      | 14/09/1999 | Nữ        | 025866919    |       | 3     | D01            | 17.30         | 17.30               | NV1                     |
| 56  | 35009210 | NGUYỄN THỊ NHẮT VỊ     | 28/05/1999 | Nữ        | 212811726    |       | 2NT   | D01            | 16.25         | 17.25               | NV1                     |
| 57  | 41009448 | VỖ THỊ MỘNG TUYỀN      | 24/06/1999 | Nữ        | 225684527    |       | 2     | A00            | 16.75         | 17.25               | NV1                     |
| 58  | 02065578 | PHẠM THỊ THU ĐIỂU      | 18/12/1999 | Nữ        | 212461370    |       | 3     | A00            | 17.15         | 17.15               | NV1                     |
| 59  | 02061317 | NGUYỄN VIỆT HIỂN       | 15/10/1998 | Nam       | 184240080    |       | 2NT   | D01            | 16.10         | 17.10               | NV1                     |
| 60  | 02028057 | LÂM TRÚC TIỀN          | 17/01/1999 | Nữ        | 025884063    |       | 3     | D01            | 17.05         | 17.05               | NV1                     |
| 61  | 37012433 | NGUYỄN THỊ THUẬN       | 26/08/1999 | Nữ        | 215504778    | 06    | 2NT   | D01            | 14.95         | 16.95               | NV1                     |
| 62  | 02047766 | TRƯỞNG THỊ THỦY TRẮNG  | 15/02/1998 | Nữ        | 025793085    |       | 2     | D01            | 16.40         | 16.90               | NV1                     |
| 63  | 39008358 | HỒ THỊ MỸ GẦM          | 25/09/1999 | Nữ        | 221483625    |       | 1     | D01            | 15.40         | 16.90               | NV1                     |
| 64  | 02050919 | VỖ MINH NHỰT           | 16/01/1999 | Nam       | 079099004432 |       | 2     | D01            | 16.40         | 16.90               | NV1                     |
| 65  | 35012583 | HUỖNH THỊ ĐIỂM MY      | 17/01/1998 | Nữ        | 212487315    |       | 2     | A01            | 16.30         | 16.80               | NV1                     |
| 66  | 16006184 | NGUYỄN THỊ TRẮNG       | 20/06/1999 | Nữ        | 026199005161 |       | 2NT   | D01            | 15.80         | 16.80               | NV1                     |
| 67  | 02033589 | ĐỖ HUỖNH NAM PHƯƠNG    | 23/04/1999 | Nữ        | 079199000725 |       | 3     | D01            | 16.80         | 16.80               | NV1                     |
| 68  | 02056980 | NGỖ NGỌC LỢI           | 22/07/1999 | Nữ        | 025853138    |       | 3     | D01            | 16.75         | 16.75               | NV1                     |
| 69  | 49001975 | NGUYỄN VIỆT HOÀNG      | 01/07/1998 | Nam       | 301738695    |       | 2NT   | A00            | 15.75         | 16.75               | NV1                     |
| 70  | 02048295 | NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC   | 05/11/1999 | Nữ        | 025838583    |       | 2     | D01            | 16.15         | 16.65               | NV1                     |

| STT | SBD      | Họ Tên                  | Ngày sinh  | Giới tính | CMND         | ĐTU'T | KVUT | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|-------------------------|------------|-----------|--------------|-------|------|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 71  | 35008912 | CAO THỊ MINH PHƯỢNG     | 26/11/1999 | Nữ        | 212812077    |       | 2NT  | D01            | 15.50         | 16.50               | NV1                     |
| 72  | 53009715 | PHAN NGUYỄN QUỲNH GIANG | 10/10/1999 | Nữ        | 312387855    |       | 2NT  | D01            | 15.45         | 16.45               | NV1                     |
| 73  | 02033665 | ĐINH DIỆU THỦY          | 18/03/1999 | Nữ        | 025845151    |       | 3    | D01            | 16.45         | 16.45               | NV1                     |
| 74  | 02049522 | LÊ THỊ THU TRINH        | 09/03/1999 | Nữ        | 025893000    |       | 2    | D01            | 15.80         | 16.30               | NV1                     |
| 75  | 35002711 | BÙI THỊ MỸ LINH         | 15/10/1999 | Nữ        | 212489282    |       | 2    | D01            | 15.75         | 16.25               | NV1                     |
| 76  | 02058996 | LÊ THẾ VINH             | 04/09/1999 | Nam       | 025853031    |       | 3    | D01            | 16.10         | 16.10               | NV1                     |
| 77  | 60000984 | DƯƠNG THỊ NHƯ           | 13/12/1999 | Nữ        | 385809868    |       | 2    | D01            | 15.60         | 16.10               | NV1                     |
| 78  | 02027822 | PHAN THỊ THẢO NGUYỄN    | 08/08/1998 | Nữ        | 079198002009 |       | 3    | D01            | 16.05         | 16.05               | NV1                     |

Danh sách này có 78 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
LAO ĐỘNG  
XÃ HỘI

TS. Hà Xuân Hùng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI  
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2017

Phụ lục 15

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN BỔ SUNG ĐỢT 1 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2017  
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI (52760101)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1400/QĐ-HĐTSDHCD2017 ngày 17/8/2017 của Chủ tịch HĐTSDHCD2017 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

| STT | SBD      | Họ Tên               | Ngày sinh  | Giới tính | CMND         | ĐTU | KVUT | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|----------------------|------------|-----------|--------------|-----|------|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 1   | 46007683 | ĐẶNG THÀNH NHÂN      | 12/08/1998 | Nam       | 291195539    |     | 2NT  | C00            | 25.50         | 26.50               | NV1                     |
| 2   | 53004026 | PHAN TRỊNH THUY LINH | 12/05/1999 | Nữ        | 312395050    |     | 2NT  | C00            | 24.00         | 25.00               | NV1                     |
| 3   | 43006200 | TRỊNH THỊ KIỀU TRANG | 23/02/1999 | Nữ        | 285724570    |     | 1    | C00            | 22.25         | 23.75               | NV1                     |
| 4   | 40001678 | NGUYỄN THU DUYỀN     | 15/06/1999 | Nữ        | 241698179    | 01  | 1    | C00            | 20.00         | 23.50               | NV1                     |
| 5   | 01058564 | ĐẶNG MINH VƯỢNG      | 16/08/1999 | Nam       | 001099017222 |     | 2    | C00            | 22.75         | 23.25               | NV1                     |
| 6   | 47009747 | NGUYỄN VĂN TRỌNG     | 06/02/1998 | Nam       | 261533206    |     | 2    | C00            | 22.25         | 22.75               | NV1                     |
| 7   | 47008131 | NGUYỄN VĂN THỌ       | 24/06/1995 | Nam       | 187529304    |     | 1    | C00            | 21.00         | 22.50               | NV1                     |
| 8   | 31004134 | NGÔ THỊ MAI HIỀN     | 16/11/1999 | Nữ        | 044199001049 |     | 2    | C00            | 22.00         | 22.50               | NV1                     |
| 9   | 45002655 | LỘ VĂN LÝ            | 26/08/1996 | Nam       | 264526087    | 01  | 1    | C00            | 18.50         | 22.00               | NV1                     |
| 10  | 56000101 | BUI THỊ NGỌC HẸN     | 28/06/1999 | Nữ        | 321727227    |     | 1    | C00            | 20.00         | 21.50               | NV1                     |
| 11  | 02032123 | PHẠM TRẦN MINH KHÔI  | 09/04/1999 | Nam       | 025874041    |     | 3    | C00            | 21.50         | 21.50               | NV1                     |
| 12  | 02048101 | LÊ THANH HÙNG        | 10/09/1998 | Nam       | 025892741    |     | 2    | C00            | 21.00         | 21.50               | NV1                     |
| 13  | 25015138 | TRẦN THỊ TỔ UYÊN     | 09/08/1999 | Nữ        | 163462134    |     | 2NT  | C00            | 20.50         | 21.50               | NV1                     |
| 14  | 39010136 | NGUYỄN THỊ KIM HIỀN  | 29/07/1996 | Nữ        | 221419374    |     | 2    | C00            | 21.00         | 21.50               | NV1                     |
| 15  | 40002075 | NGUYỄN THỊ THUY      | 18/07/1999 | Nữ        | 241699625    |     | 1    | C00            | 19.50         | 21.00               | NV1                     |
| 16  | 56001745 | LÊ MỘNG YẾN XUÂN     | 21/01/1999 | Nữ        | 321772086    |     | 2NT  | C00            | 19.75         | 20.75               | NV1                     |
| 17  | 52009367 | NGUYỄN THÈ CHÁU      | 25/07/1999 | Nam       | 273658454    |     | 1    | C00            | 19.25         | 20.75               | NV1                     |
| 18  | 49007840 | LÊ THỊ KIM ÁNH       | 27/10/1999 | Nữ        | 301648670    |     | 2NT  | D01            | 19.60         | 20.60               | NV1                     |
| 19  | 39003192 | PHẠM THỊ BÍCH THUY   | 19/02/1999 | Nữ        | 221456027    |     | 2NT  | C00            | 19.50         | 20.50               | NV1                     |
| 20  | 41007307 | DƯƠNG LƯU CÔNG MINH  | 06/02/1999 | Nam       | 221450355    |     | 2    | C00            | 20.00         | 20.50               | NV1                     |

Handwritten signature and initials.

| STT | SBD      | Họ Tên               | Ngày sinh  | Giới tính | CMND         | ĐTU | KVUT | Tổ hợp môn xét | Tổng điểm thi | Điểm xét tuyển sinh | Nguyên vọng trúng tuyển |
|-----|----------|----------------------|------------|-----------|--------------|-----|------|----------------|---------------|---------------------|-------------------------|
| 21  | 46001368 | LÊ PHÚ QUÝ           | 07/06/1999 | Nam       | 072099001819 |     | 2    | C00            | 20.00         | 20.50               | NV1                     |
| 22  | 02017727 | LÊ THANH TÙNG        | 10/10/1998 | Nam       | 026054508    |     | 2    | A00            | 19.75         | 20.25               | NV1                     |
| 23  | 46001386 | NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH | 19/10/1999 | Nữ        | 072199000819 |     | 2    | C00            | 19.75         | 20.25               | NV1                     |
| 24  | 37007627 | NGUYỄN THỊ LỆ OANH   | 23/12/1999 | Nữ        | 215503278    |     | 2NT  | C00            | 19.00         | 20.00               | NV1                     |
| 25  | 45005169 | LÊ TRẦN PHƯƠNG DUNG  | 09/09/1999 | Nữ        | 264530153    |     | 2    | C00            | 19.50         | 20.00               | NV1                     |
| 26  | 28027725 | VŨ THỊ NHUNG         | 26/02/1999 | Nữ        | 038199006784 |     | 2NT  | C00            | 19.00         | 20.00               | NV1                     |
| 27  | 02051151 | NGUYỄN HUỶNH NHƯ     | 05/12/1999 | Nữ        | 079199003416 |     | 2    | C00            | 19.25         | 19.75               | NV1                     |
| 28  | 02032899 | PHẠM LÊ THANH HUYỀN  | 23/10/1999 | Nữ        | 079199000969 |     | 3    | A00            | 19.35         | 19.35               | NV1                     |

Danh sách này có 28 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Hà Xuân Hùng